

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST
Ngày 13 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Mạnh Dũng

Bà Hoàng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2020/HSST, ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Lâm Văn B, sinh ngày 09/4/1997, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Nà T, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T (đã chết) và bà Hứa Thị E, sinh năm 1959; vợ con chưa có; bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là người con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không có, bị cáo chưa bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2020 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Dương Thị Quỳnh Hoa, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Bị hại: Ông Lâm Văn Thê, sinh ngày 03/11/1971. Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lâm Văn P, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Nà T, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng: Bà Hà Thị H, bà Hứa Thị E, anh Lâm Văn Q, anh Lâm Văn H, anh Lê Văn S, anh Nguyễn Trọng Đ. Có mặt. Bà Lưu Thị S, anh Hoàng Văn G, anh Nguyễn Văn S. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 09/7/2020, bị cáo Lâm Văn B sinh năm 1997 trú tại thôn Nà T, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12K2 . 6784 của gia đình đến nhà ông Lâm Văn T, sinh năm 1971, trú tại thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là anh trai họ của bị cáo, để giúp gia đình ông Lâm Văn T gặt lúa, tối ngủ lại nhà ông Lâm Văn T. Sáng ngày 10/7/2020 bị cáo Lâm Văn B gặt lúa của gia đình, gặt xong bị cáo Lâm Văn B buộc 02 bao thóc lên xe mô tô biển kiểm soát 12K2 - 6784 và chở về nhà ông Lâm Văn T. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo Lâm Văn B điều khiển xe mô tô chở 02 bao thóc đi về nhà ở thôn Nà T, xã Q, huyện B, trên đường về thấy xe mô tô YAMAHA màu đỏ đen Biển kiểm soát 12B1-137.52 của ông Lâm Văn T đổ nghiêng ở cạnh đường cách nhà ông Lâm Văn T khoảng 40 mét, do trước đó chiều ngày 09/7/2020 Lâm Văn B nhìn thấy ông Lâm Văn T mở cốp xe lấy tiền cho anh Lâm Văn Hưng là con trai ông Lâm Văn T đi mua quà cho cháu, quan sát xung quanh thấy không có người đi lại, bị cáo Lâm Văn B nảy sinh ý định trộm cắp tiền của ông Lâm Văn T. Bị cáo Lâm Văn B đi tiếp khoảng 20 mét thì dừng xe tắt máy và đi bộ đến chỗ xe ông Lâm Văn T, thấy chìa khóa vẫn cắm ổ khóa điện, tay phải Lâm Văn B vặn mở khóa điện bật cốp lên thì thấy trong cốp xe có một chiếc ví da màu đen, bên trong có giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe của ông Lâm Văn T và một số tiền mặt. Thấy vậy tay trái Lâm Văn B cầm lấy hết số tiền trong ví đút vào túi quần sau bên trái đang mặc và để lại ví cùng giấy tờ vào cốp xe khóa lại, chìa khóa xe vẫn để nguyên ở ổ khóa điện rồi đèo thóc đi về nhà.

Trên đường về, bị cáo đến nhà ông Hà Văn B sinh năm 1971, trú tại thôn Đ, xã M, huyện B chơi đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị cáo Lâm Văn B đi về nhà tại thôn Nà T, xã Q, huyện B, tại nhà bị cáo lấy số tiền vừa trộm cắp được của ông Lâm Văn T ra đếm có tổng số 14.300.000đồng, gồm các mệnh giá 500.000đồng, 200.000đồng và 100.000đồng, đem xong bị cáo Lâm Văn B để tiền vào dưới chăn trên giường ngủ.

Sáng ngày 11/7/2020, bị cáo Lâm Văn B rủ anh Lâm Văn H sinh năm 1998, trú cùng thôn là bạn của bị cáo Lâm Văn B đi ra Thị trấn B chơi, anh Lâm Văn H điều khiển xe mô tô chở Lâm Văn B ra đến Thị trấn B, bị cáo Lâm Văn B và anh Lâm Văn H đến cửa hàng điện thoại di động T của anh Nguyễn Trọng Đ tại khối phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, tại đây bị cáo Lâm Văn B đã mua một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu OPPO A31 với giá 3.000.000đồng; 01 sim VINAPHONE giá 200.000đồng, mua điện thoại xong bị cáo Lâm Văn B cùng anh Lâm Văn H quay về nhà ở thôn Nà T, xã Q, huyện B. Sáng ngày 12/7/2020, bị cáo Lâm Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12K2 - 6784 ra Thị trấn B và bán chiếc xe mô tô

trên cho Nguyễn Văn Sáng sinh năm 1988 là chủ thu mua phế liệu tạm trú tại khối phố 6B, Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, bị cáo Lâm Văn B đi đến các tỉnh Bắc Ninh, thành phố H và tỉnh Vĩnh Phúc tìm việc làm và đã chi tiêu hết số tiền còn lại.

Chiều ngày 10/7/2020 ông Lâm Văn T phát hiện bị mất tài sản, nên đã trình báo Công an để điều tra làm rõ vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập tài liệu chứng cứ và tiến hành các biện pháp truy tìm. Tại cơ quan Công an bị cáo Lâm Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tiền của ông Lâm Văn T ngày 10/7/2020 tại thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Lời khai nhận của bị cáo Lâm Văn B là phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 07/8/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với bị cáo Lâm Văn B về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Lâm Văn H cùng với bị cáo Lâm Văn B đi mua điện thoại không biết tiền bị cáo Lâm Văn B dùng để mua điện thoại, sim bằng số tiền trộm cắp được. Anh Nguyễn Trọng Đ là chủ cửa hàng điện thoại T không biết việc bị cáo Lâm Văn B trả tiền mua điện thoại, sim bằng số tiền trộm cắp được mà có, nên cơ quan điều tra không xem xét.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen màn hình cảm ứng, số imel1: 860646040671521; số imel2: 860646040671504 và 01 sim có số liên lạc 0824419479, sim đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/9/2020, Lâm Văn P sinh năm 1995, trú tại thôn Nà T, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là anh ruột của bị cáo Lâm Văn B đại diện gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Lâm Văn T số tiền 14.300.000 đồng để khắc phục hậu quả. Đồng thời ông Lâm Văn T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lâm Văn B. Tại phiên tòa anh Lâm Văn P cho biết tiền bồi thường thiệt hại là của gia đình, nay không đòi bị cáo Lâm Văn B phải trả lại.

Người làm chứng tại phiên tòa khai báo đúng với diễn biến nội dung vụ án.

Bản cáo trạng số: 22/CT-VKS, ngày 19/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Lâm Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo Lâm Văn B thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, không kêu oan, cho thấy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Do vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lâm Văn B phạm tội Trộm cắp tài sản, áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 50, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Văn B từ 06 đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản của bị hại là khoản tiền 14.300.000 đồng bị mất trộm, ngày 02/9/2020 anh trai của bị cáo là anh Lâm Văn P đã thay mặt gia đình bồi thường cho bị hại Lâm Văn T thay cho bị cáo, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường thêm. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A31 thu được của bị cáo tuy là tài sản mua được do phạm tội mà có, nhưng anh Lâm Văn P đã

đại diện gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, nên cần xem xét trả lại cho bị cáo là phù hợp, đồng thời xác nhận việc đã bồi thường đủ tài sản bị thiệt hại. Miễn án phí cho bị cáo và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo do bị cáo sống phụ thuộc gia đình và không có tài sản để đảm bảo thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn B nêu luận cứ bào chữa cho bị cáo, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, việc truy tố là đúng người, đúng tội, không oan và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 50, 65 của Bộ luật Hình sự là bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, bị cáo đang sinh sống tại vùng xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị xử phạt giảm nhẹ cho bị cáo Lâm Văn B phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo, xem xét xác nhận việc bồi thường, xử lý về vật chứng, miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ xác định hành vi của bị cáo là lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền là 14.300.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, cần tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 4 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, động viên gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về nhân thân người phạm tội: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật lần nào.

[5] Xét về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lâm Văn B phạm tội do lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản mà bị hại là anh họ của mình là người đang tạo điều kiện cho gia đình mình về đất canh tác hoa màu, Lâm Văn B đã có cơ hội tiếp cận để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại để tiêu sài cá nhân, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, mặc dù được gia đình vận động ra đầu thú nhưng bị cáo vẫn cố tình lẩn trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra truy bắt, từ nhận định đánh giá trên, căn cứ Điều 50 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng hình phạt cho bị cáo Lâm Văn B tù giam trên mức khởi điểm của khung hình phạt, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội đủ để bị cáo cải tạo thành người có ích cho xã hội là hợp lý.

[6] Đối với anh Lâm Văn H và anh Nguyễn Trọng Đ không biết được việc trộm cắp tài sản của bị cáo và tài sản do trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xem xét là đúng quy định.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo kết quả xác minh của cơ quan điều tra và xét hỏi tại phiên tòa thấy, bị cáo sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/9/2020 anh Lâm Văn P là anh trai của bị cáo đã thay mặt gia đình nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền là 14.300.000đồng, bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường thêm, nên cần xác nhận đã bồi thường thiệt hại đủ. Tại phiên tòa, anh Lâm Văn P không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên không xem xét.

[9] Về vật chứng: Là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen màn hình cảm ứng và 01 sim đã qua sử dụng, mặc dù bị cáo mua được bằng tiền do phạm tội mà có, nhưng gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[10] Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên được chấp nhận.

[11]] Lời của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng Điều 65 để cho bị cáo hưởng án treo là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[12] Lời đề nghị của Kiểm sát viên cơ bản là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được xem xét trong phần quyết định.

[13] Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 50, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lâm Văn B 08 (tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 07/8/2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Lâm Văn B.

2. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho bị hại số tiền là 14.300.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Lâm Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen màn hình cảm ứng, số imel1: 860646040671521; số imel2: 860646040671504 và 01 sim điện thoại có số liên lạc 0824419479 đã qua sử dụng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư Pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Khởi

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 50, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn Hương phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Hà Văn Hương 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 05/6/2019.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Hà Văn Hương là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Hà Văn Hương.

2. Về vật chứng: Trả lại chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **B** cho ông Hoàng Đình Âu, sinh năm 1981, địa chỉ thôn Nông Lục II, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn là chủ sở hữu.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Hà Văn Hương phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là: 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị Lý có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư Pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 30-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Chung.

Bà Vi Thị Yến Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2019/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Hà Văn Hương, sinh ngày 22/10/1979, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú thôn Tòng Chu II, xã Hoàng Văn Thụ, huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Ngao, sinh năm 1945 và bà Lê Thị Kim, sinh năm 1948; vợ là Nguyễn Thị Hợi, sinh năm 1973 và 02 người con sinh năm 2001 và 2013; bị cáo có 4 anh em ruột, bị cáo là người con thứ ba; tiền án: Có 3 tiền án: Ngày 25/01/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản,

xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 năm. Ngày 13/3/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2008/HS-ST. Ngày 19/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 7 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án hình sự số 64/2012/HS-ST; tiền sự: Không có; nhân thân xấu, năm 2007 bị Công an huyện **B** xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện **B** từ ngày 05/6/2019 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Ông Hoàng Đình Âu, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn Nông Lục II, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trương Thị Lý, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số 62, khối phố Lương Văn Tri, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng anh Chuông Văn Thái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 04/6/2019, Hà Văn Hương, sinh năm 1979, trú tại thôn Tòng Chu II, xã Hoàng Văn Thụ, huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn đến Trung tâm Y tế huyện **B** để tìm người bạn tên là Minh, nhưng không thấy, khi phát hiện thấy ông Hoàng Đình Âu để một chiếc điện thoại OPPO F5, màn hình cảm ứng, màu vàng đồng để trên tủ đựng đồ cá nhân ở đầu giường bệnh nhân trong bệnh viện, Hà Văn Hương đã lợi dụng ông Hoàng Đình Âu đang ngủ say đã lén lút thực hiện hành vi Trộm cắp chiếc điện thoại. Sau khi phát hiện tài sản bị mất trộm, ông Hoàng Đình Âu đã trình báo cơ quan Công an huyện **B** để tiến hành điều tra làm rõ vụ án. Sau khi trộm cắp được tài sản Hà Văn Hương đem chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại bán cho bà Trương Thị Lý, sinh năm 1982, trú tại số 62, khối phố Lương Văn Tri, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn được 1.500.000đồng đem đi tiêu sài cá nhân hết.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện **B**: Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 có giá trị còn lại là 4.994.097đồng, 02 chiếc sim điện thoại di động mạng VIETTEL có giá trị 75.999đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.070.096đồng.

Về vật chứng: Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F5, màn hình cảm ứng, màu vàng đồng, Cơ quan điều tra đã thu giữ, cần được giải quyết trong vụ án này.

Đối với bà Trương Thị Lý, khi mua chiếc điện thoại với bị cáo, không biết tài sản do trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý.

Bị hại Hoàng Đình Âu có đơn xin nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trương Thị Lý có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Bản cáo trạng số: 14/CT-VKS, ngày 14/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Hà Văn Hương về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo Hà Văn Hương thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, không kêu oan và không tham gia tranh luận với kiểm sát viên, cho thấy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Do vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn Hương phạm tội Trộm cắp tài sản, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 50, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn Hương từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản của bị hại là ông Hoàng Đình Âu là chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 cơ quan điều tra đã thu hồi được, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét. Đối với bà Trương Thị Lý là người mua chiếc điện thoại với bị cáo Hà Văn Hương, khi mua không biết là tài sản do Trộm cắp mà có, bà Trương Thị Lý đã giao nộp chiếc điện thoại cho Cơ quan điều tra, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên không xem xét. Buộc bị cáo phải chịu án phí và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo do bị cáo sống phụ thuộc gia đình và không có tài sản để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bà Trương Thị Lý đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vắng mặt bà Trương Thị Lý theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Khi phạm tội bị cáo có đủ năng lực hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, với hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại di động

nhân hiệu OPPO F5 và 02 sim bên trong của anh Hoàng Đình Âu, tài sản bị cáo Hà Văn Hương chiếm đoạt được theo kết quả định giá có tổng giá trị là: 5.070.096 đồng. Trước đó tại Bản án số 64/2012/HS-ST ngày 19/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã áp dụng tái phạm theo điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 07 năm tù giam, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt ngày 26/7/2017, đến ngày 04/6/2019 mới được 01 năm 10 tháng 08 ngày, chưa được xóa án tích theo điểm c khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự mà lại phạm tội do cố ý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện **B** truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, cần tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự, bởi tình tiết tái phạm nguy hiểm đã được áp dụng là tình tiết định khung tăng nặng theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 1 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và 1 tình tiết giảm nhẹ là bố, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, Sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về nhân thân người phạm tội: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã có 3 tiền án, các lần phạm tội đều được thực hiện ở nhiều địa bàn khác nhau, các lần phạm tội tiếp theo đều chưa được xóa án tích theo quy định mà lại phạm tội mới. Ngoài ra năm 2007 bị cáo còn bị Công an huyện **B** xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[5] Xét về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, ý kiến của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Hà Văn Hương phạm tội một mình, như tự tìm ra được sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, từ nhận định đánh giá trên, căn cứ Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi, bổ sung năm 2017, cần áp dụng hình phạt cho bị cáo Hà Văn Hương với mức cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt là hợp lý, nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo kết quả xác minh của cơ quan điều tra và xét hỏi tại phiên tòa thấy, bị cáo sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Hoàng Đình Âu xin nhận lại tài sản là chiếc điện thoại bị mất trộm, cần trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Đối với 02 chiếc sim điện thoại bị cáo đã vứt đi ngay sau khi trộm được điện thoại, cơ quan

điều tra không thu hồi được, tại phiên tòa ông Hoàng Đình Ấu không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trương Thị Lý là người đã mua chiếc điện thoại với bị cáo có đơn trình bày về việc không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không xem xét.

[8] Về số tiền bị cáo thu lợi bất chính có được do bán tài sản trộm cắp mà có, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, không thu hồi được, bà Trương Thị Lý không yêu cầu bị cáo bồi thường. Nên cần truy thu số tiền này của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về vật chứng: Tài sản bị cáo chiếm đoạt được, cơ quan điều tra thu hồi được 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 cần trả lại cho chủ sở hữu là ông Hoàng Đình Ấu.

[10] Lời đề nghị của Kiểm sát viên cơ bản là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên mức đề nghị về hình phạt là cao, bởi giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được chỉ là 5.070.096 đồng. nên cần được xem xét áp dụng mức phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[11] Bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin được giảm nhẹ hình phạt.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định là 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 50, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn Hương phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Hà Văn Hương 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 05/6/2019.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Hà Văn Hương là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Hà Văn Hương.

2. Về vật chứng: Trả lại chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **B** cho ông Hoàng Đình Âu, sinh năm 1981, địa chỉ thôn Nông Lục II, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn là chủ sở hữu.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Hà Văn Hương phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là: 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị Lý có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư Pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện **B**, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hằng

Lương Mạnh Dũng

Nguyễn Văn Khởi

